

PHÂN TÍCH MÔ HÌNH CÂU ĐẢO NGỮ BỘ PHẬN TRẠNG NGỮ TRONG TIẾNG ANH

Phạm Thị Hà

Trường Đại học Quảng Bình

Tóm tắt. Câu đảo ngữ tiếng Anh là hiện tượng ngữ pháp phức tạp trong ngôn ngữ học, được nhiều người quan tâm phân tích với nhiều phương diện khác nhau. Có nhiều hình thức đảo ngữ trong tiếng Anh với nhiều cách sử dụng đa dạng. Bài viết nhằm miêu tả, phân tích các đặc điểm cú pháp của các mô hình đảo ngữ bộ phận trạng ngữ thông dụng trong tiếng Anh, cách sử dụng chúng, giúp người học có cái nhìn tổng quan về các mô hình đảo ngữ và định hướng cách sử dụng hiệu quả trong giao tiếp hàng ngày.

Từ khóa: đảo ngữ, trạng ngữ, cú pháp, tiếng Anh

1. MỞ ĐẦU

Cấu trúc và cách sử dụng câu đảo ngữ là một trong những vấn đề ngữ pháp quan trọng, xuất hiện phổ biến trong quá trình dạy và học tiếng Anh, cũng như trong quá trình giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh. Hiện tượng đảo ngữ đã được đề cập với các mức độ khác nhau trong nhiều giáo trình và tài liệu giảng dạy, nhưng chỉ là sự liệt kê những loại câu đảo ngữ tiêu biểu và cơ bản nhất, mà chưa có sự hệ thống hóa các đặc điểm cú pháp, cũng như đi sâu phân tích các đặc trưng ngữ dụng của những mô hình khác nhau của loại câu này. Trong bối cảnh ngữ dụng học đang phát triển mạnh mẽ, đặc trưng về cú pháp cũng như ngữ dụng học của câu đảo ngữ nói chung trong tiếng Anh ngày càng được nhiều người quan tâm. Có rất nhiều loại câu đảo ngữ và mỗi hình thức thể hiện cấu trúc đảo ngữ đều có những đặc trưng ngữ dụng khác nhau, đồng thời có rất nhiều ngữ cảnh mà người nói phải sử dụng cấu trúc đảo ngữ với những mục đích giao tiếp khác nhau. Do đó, việc phân tích đặc điểm cú pháp và các đặc trưng ngữ dụng của câu đảo ngữ tiếng Anh sẽ giúp chúng ta dễ nhận dạng các cấu trúc đảo ngữ, so sánh để tìm ra điểm giống, khác nhau về đặc trưng cú pháp và ngữ dụng, từ đó xác định cách thức và mục đích sử dụng chúng khi nói và khi viết.

Mô hình đảo ngữ bộ phận trạng ngữ là một trong những mô hình đảo ngữ phức tạp, được sử dụng rộng rãi, được người dạy và người học quan tâm vì tính đa dạng về đặc điểm cú pháp và ngữ dụng của chúng trong ngôn ngữ. Việc nắm vững, sử dụng hiệu quả các cấu trúc đảo ngữ bộ phận trạng ngữ sẽ giúp người học đa dạng hóa và làm phong phú thêm cách diễn đạt ngôn ngữ, phục vụ hiệu quả cho những mục đích giao tiếp nhất định.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm câu đảo ngữ

Các nghiên cứu về đảo ngữ tiếng Anh thường đề cập đến định nghĩa của Green [8; tr. 120]: đó là “những cấu trúc câu trần thuật mà trong đó chủ ngữ theo sau một phần hoặc toàn bộ các yếu tố của động ngữ”. Như vậy, đảo ngữ là hình thức thay đổi trật tự vị trí của chủ ngữ và động từ hay các yếu tố của động từ, trong đó chủ ngữ được xác định vị trí đứng sau động từ hay yếu tố động từ trong câu trần thuật.

Đảo ngữ là hình thức thay đổi trật tự từ trong câu, thường sử dụng văn phong quan trọng có tác dụng nhấn mạnh, nhằm làm tăng thêm cảm xúc của người nói. Khi cần nhấn mạnh một thành phần nào đó trong câu, người ta thường đặt thành phần đó ở đầu câu. Đảo ngữ là một quá trình cú pháp tạo ra các cấu trúc có chức năng giới thiệu các thực thể vào trong diễn ngôn [5].

Là một phổ quát ngôn ngữ học, đảo ngữ liên quan đến khả năng di chuyển của các thành tố trong câu, do đó tất yếu gắn với sự khác biệt nào đó giữa các biến thể trật tự của câu: đó là sự khác biệt giữa một trật tự được cho là cơ bản hay trật tự chuẩn với những trật tự phi chuẩn. Chắc chắn sự thay đổi về trật tự sẽ tạo ra những thay đổi về nội dung [1].

2.2. Phân loại câu đảo ngữ

Căn cứ vào vị trí của chủ ngữ, hoặc đứng sau toàn bộ động từ hoặc đứng sau trợ động từ, các nhà Anh ngữ học đã phân loại câu đảo ngữ tiếng Anh thành hai loại chính sau:

- Đảo ngữ chủ ngữ động từ (đảo ngữ toàn phần): chủ ngữ thường đứng sau toàn bộ cụm động từ.

Ví dụ: *Best of all **would be** to get a job in Wellingham.* (Fict) (1)

- Đảo ngữ chủ ngữ trợ động từ (đảo ngữ bộ phận): chủ ngữ chỉ xuất hiện trước động từ chính mà không đứng trước trợ động từ.

Ví dụ:

Not before in our history **have** so many strong influences **united** to produce so large a disaster. (News) (2)

2.3. Chức năng của câu đảo ngữ

Câu đảo ngữ có các chức năng trong diễn ngôn là:

- Chức năng liên kết văn bản và chuỗi thông tin (đặc biệt là đảo ngữ chủ ngữ động từ).
- Chức năng nhấn mạnh biểu cảm và nhấn mạnh cường điệu.
- Chức năng đánh dấu tiêu điểm thông báo.
- Chức năng giới thiệu thực thể trong diễn ngôn.

2. 4. Mô hình đảo ngữ bộ phận trạng ngữ tiếng Anh

Trong tiếng Anh, có thể nhấn mạnh một số trạng từ, cụm từ, mệnh đề phụ làm trạng ngữ bằng cách đảo chúng ra đầu câu, song song với việc đảo động từ ra trước chủ ngữ như câu nghi vấn. Trong một số trường hợp, các phó từ không đứng ở vị trí bình thường của nó mà đảo lên đứng ở đầu câu nhằm nhấn mạnh vào hành động của chủ ngữ. Trong trường hợp đó ngữ pháp sẽ thay đổi, đằng sau phó từ đứng đầu câu là trợ động từ rồi mới đến chủ ngữ và động từ chính.

Ví dụ: They found an extension to the drawing room with thigh - high cannabis plants growing in polythene bags full of compost. **Nearby was** a 400-square yard warehouse with more plants flourishing in conditions controlled by artificial lighting and automatic watering systems. (News). (3)

Ví dụ: And if the case went to trial, there wasn't a damn thing Kathryn could do to stop them. And **no way could** she get Sarah to understand that. (Fict) (4)

Câu đảo ngữ thường được dùng để nhấn mạnh tính đặc biệt của một sự kiện nào đó và thường được mở đầu bằng một phủ định từ.

2.5. Phân tích các mô hình đảo ngữ bộ phận trạng ngữ tiếng Anh

2.5.1. Mô hình 1: Trạng từ phủ định + trợ động từ + chủ ngữ + động từ
(*Negative adverbials + auxiliary + subject + verb*)

Trong tiếng Anh, việc sử dụng hình thức đảo ngữ sau trạng ngữ phủ định là khá phổ biến, làm cho câu văn có hiệu ứng mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, đôi khi phải thay đổi trật tự từ bình thường của chủ ngữ và động từ (thường sử dụng một trợ động từ) vì muốn nhấn mạnh ý nghĩa của trạng từ.

Ví dụ: Phuong rarely talks with us (5a)
S Adv

→ Rarely does Phuong talk with us. (5b)
Adv Aux S

Nếu trạng từ “rarely” đứng sau chủ ngữ, sẽ không có việc đảo ngữ (xem (5a)), nhưng nếu “rarely” đứng trước chủ đề, chúng ta cần phải đảo ngữ (xem (5b)). Trật tự từ bị đảo ngược và trong trường hợp câu “Rarely does Phuong talk with us” chúng ta sử dụng trợ động từ “does” giống như trong câu hỏi (mặc dù đây không phải là một câu hỏi). Đối với một số từ và cụm từ giữ chức năng như trạng ngữ phủ định đôi khi cũng cần đảo ngữ. Có thể chia trạng ngữ phủ định thành các nhóm sau:

Nhóm trạng từ chỉ tần suất:
+ Rarely/seldom/never/ often/ little:

Only at night can I study. (14)
Adv Aux S

“Only then/if/when/after/by” được sử dụng với động từ ở thì quá khứ đơn và bắt buộc phải có sự đảo ngữ.

Ví dụ:

We accepted the invitation. Only later did we suspect it might be a trap. (15)
Adv Aux S

Lưu ý: Không đảo ngữ nếu đứng sau “only” là danh từ làm nhiệm vụ chủ ngữ, trong trường hợp này “only” bỏ nghĩa cho chủ ngữ.

Ví dụ: Only Florida knew the answer to the question. (16)
Adv S

Only he can speak English. (17)

Adv S

- Đảo ngữ là cụm từ/từ ghép có “no”:

+ At no time:

Ví dụ: At no time did he get permission for what he was doing. (18)
Adv Aux S

+ In no way:

Ví dụ:

In no way could I help you with your Japanese grammar questions. (19)
Adv Modal V S

+ Nowhere:

Ví dụ: Nowhere had Susan seen a more beautifully decorated room. (20)
Adv Aux S

+ On no account:

Ví dụ: On no account should you be absent from your seminars. (21)
Adv Modal V S

+ Under no circumstances:

Ví dụ:

Under no circumstances will prisoners be allowed to give interviews to the media. (22)
Adv Aux S

Hình thức này được sử dụng để mô tả các quy tắc mà không có ngoại lệ. Sự thay thế không có đảo ngữ như ở (22) sẽ là: “Prisoners will not be allowed to give interviews to the media under any circumstances”. Có thể thấy rằng “not...any” được dùng tương đương với “no”.

Khi sử dụng trạng ngữ phủ định đầu câu, chúng ta phải đảo ngữ và đặt trợ động từ đứng trước chủ ngữ.

Lưu ý: Không có đảo ngữ nếu trạng ngữ phủ định không đứng trước chủ ngữ.

Ví dụ: Nam seldom smoke (không đảo ngữ) (23)

S Adv

Trong câu tiếng Anh, hình thức đảo ngữ được sử dụng khi trạng ngữ bỏ nghĩa cho động từ, không bỏ nghĩa cho danh từ.

Ví dụ:

Hardly had I gone to bed when the phone rang. (đảo ngữ) (24a)

Adv Aux S V

Hardly anyone knows about it. (không đảo ngữ) (24b)

Adv S

2.5.2. Mô hình 2: *trạng từ chỉ nơi chốn/phương hướng/trật tự thời gian + động từ + chủ ngữ (adverbials of place /direction/and time order + verb + subject)*

Khi câu đơn được bắt đầu bằng trạng ngữ chỉ nơi chốn, trật tự, địa điểm hoặc thời gian thì động từ chính có thể đảo lên trước chủ ngữ, nhưng không sử dụng trợ động từ. Xem các ví dụ dưới đây:

Two women were talking outside the house. (câu không đảo ngữ) (25a)

→ Outside the house were talking two women. (câu đảo ngữ) (25b)

Adv V S

The police came first, then the ambulance came. (câu không đảo ngữ) (26a)

→ First came the police, then came the ambulance. (câu đảo ngữ) (26b)

Adv V S Adv V S

Trong hai cách diễn đạt cùng một sự việc ở (26a) và (26b), ta thấy cách thứ nhất mang tính chất liệt kê sự việc, trong khi cách thứ hai nhấn mạnh đến thứ tự của hành động. Các trạng từ chỉ thứ tự thời gian *first* và *then* có chức năng liên kết cho diễn ngôn. Đó chính là mục đích của việc đảo ngữ.

Động từ To be luôn dùng ở dạng đảo ngữ khi câu bắt đầu bằng một phó từ chỉ nơi chốn, địa điểm.

Ví dụ: In front of the museum is the post office. (27)

Adv V S

Ngoài ra, một số động từ khác cũng được đảo lên trước chủ ngữ khi câu bắt đầu bằng một phó từ chỉ nơi chốn, địa điểm, đó là các động từ: *climb, come, fly, go, hang, lie, run, sit, stand*.

Tuy nhiên, chúng ta không đảo ngữ khi chủ ngữ là một đại từ nhân xưng như *I, we, you, they, he, she, it*.

Ví dụ có thể nói: In the armchair sat a woman. (28)

Adv V S

Nhưng không thể nói: In the armchair sat she.

Trong giao tiếp thông thường, đảo ngữ thường xuất hiện sau các phó từ như: *here, there* và các phó từ khác như *back, down, in, off, up, round, out, ect.*

Ví dụ: There's the dog. Call the dog. (conv) (29)

Trong câu, khi một ngữ giới từ chỉ địa điểm hoặc phương hướng đứng ở đầu câu, các nội động từ đặt lên trước chủ ngữ nhưng không được sử dụng trợ động từ. Trường hợp này rất phổ biến trong văn miêu tả khi muốn diễn đạt một chủ ngữ không xác định:

Ví dụ: Under the tree was lying one of the biggest men I had ever seen. (30)

Adv V S

Directly in front of them stood a great castle. (31)

Adv V S

+ Các phó từ *away (= off), down, in, off, out, over, round, up...* có thể theo sau bởi một động từ chỉ sự chuyển động và sau động từ đó là một danh từ làm chủ ngữ:

+ Away/down/in/off/out/over/round/up...+ motion verb + noun/noun phrase as a subject.

Ví dụ: *Down* fell a dozen of apples... (32)

+ Nhưng nếu một đại từ nhân xưng làm chủ ngữ thì động từ phải đặt sau chủ ngữ:

Ví dụ: *Away* they went. (33)

Round and round it flew. (34)

+ Trong văn viết tiếng Anh các ngữ giới từ mở đầu bằng các giới từ *down, from, in, on, over, out of, round, up...* có thể theo sau các động từ chỉ tư thế *crouch, hang, lie, sit, stand ...* hoặc các động từ chỉ sự chuyển động *be/ born/ die/ live* và một số dạng động từ khác.

Ví dụ: From the rafters hung strings of onions. (35)

Adv V S

In the doorway stood a man with a gun. (36)

Adv V S

On a perch beside him sat a blue parrot. (37)

Adv V S

Đảo ngữ nói chung là một trong những phương tiện ngữ pháp được sử dụng khá phổ biến trong quá trình học tập, giảng dạy cũng như trong giao tiếp hàng ngày đặc biệt là câu đảo ngữ bộ phận trạng ngữ. Tuy nhiên, người học luôn gặp những khó khăn nhất định trong việc sử dụng loại câu này.

Có thể nói, câu đảo ngữ luôn đóng một vai trò quan trọng trong giao tiếp hay trong

các tác phẩm văn học, nó là phương tiện giúp cho người nói - người viết chuyển tải ý tưởng, tạo các hiệu ứng nhất định đến người nghe - người đọc. Câu nói chung và câu đảo ngữ nói riêng chính là một trong những phương tiện để khám phá cuộc sống, mang lại cái nhìn mới mẻ, đa dạng nhiều chiều cho người đọc - người nghe nhất là trong cuộc sống hiện đại. Bởi “*Ngôn ngữ là cửa sổ để đi vào thế giới tinh thần của con người, đi vào trí tuệ của nó, là phương tiện để đạt đến những bí mật của quá trình tư duy*” [4].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (1996), *English Inversion versus Vietnamese Equivalents*, M.A thesis, College of Foreign Language, Hanoi.
- [2] Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Trần Kim Phụng (2010), *Các phương pháp phân tích ngữ pháp (trên ngữ liệu tiếng Việt)*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- [4] Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn Tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [5] Drubig, H.B. (1988), “*On the Discourse Function of Subject Verb Inversion*”, *Essays on the English language and Applied Linguistics on the Occasion of Gerhard Nickel’s 60th Birthday*, pp. 83-95.
- [6] Biber D., Douglas et al. (1999), *Longman Grammar of Spoken and Written English*, Longman, London.
- [7] Birner, B.J. (1995), “*Pragmatics Constraints on the verb in English Inversion*”, *Lingua* (97), Elsevier, pp.233-256.
- [8] Green G.M. (1980), “*Some wherefores of English Inversions*”, *Language* (Journal of The Linguistic Society of America), Vol. 56, pp. 582-601.

AN ANALYSIS ON THE PATTERN OF INVERSION BEGINNING WITH ADVERBS OR ADVERB PHRASES IN ENGLISH

Pham Thi Ha

Quang Binh University

Abstract. *Inversion in English is a complicated grammatical phenomenon in linguistics and it usually attracts language learners’ and teachers’ interest in various aspects. There are a lot of types of English inversion and various ways of usage. The article describes and analyses the features of syntax and the usage of the patterns of inversion beginning with adverbs or adverb phrases in English in order to help teachers and students have an overview on patterns of inversion in English and determine the ways to use them effectively in everyday communication.*

Key words: *inversion, adverbs, English, syntax.*